

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/LĐ-PT

Ngày: 29/4/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng lao động”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hoài Sơn**

Các Thẩm phán:

Bà **Thái Thị Phi Yến**

Bà **Trần Thị Bé**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Duy Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Anh Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 04/2019/TLPT-LĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng lao động*”.

Do bản án lao động số 04/2019/LĐ-ST ngày 05, 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐXXPT-LĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 02/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2020; Thông báo hoãn phiên tòa số 02/TB-TA ngày 12 tháng 3 năm 2020; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 69/TB-TA ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Thúy P**, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Phòng 302 khu A, Chung cư B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phan Công H** - sinh năm: 1976. Địa chỉ: Số 1547 đường T, khối 7A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, (giấy ủy quyền ngày 24/02/2020). Có mặt.

2. *Bị đơn: Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng.* Địa chỉ: Số 66 đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Phùng Thị Thanh H** - chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi cục d thành phố Đà Nẵng.* Địa chỉ: Số 66 đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Võ Chí T** - chức vụ: Phó phòng d, Chi cục d đình thành phố Đà Nẵng, (giấy ủy quyền ngày 28/4/2020). Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn **Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị Thúy P trình bày:*

Ngày 22/12/2016, Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng (gọi tắt là trung tâm) ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà đã vi phạm khoản 3 Điều 126 Bộ luật lao động. Do đó, bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Quyết định số 03/QĐ-TTTV ngày 22/12/2016 “về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Đặng Thị Thúy P” là trái luật và phải nhận bà trở lại làm việc, đồng thời bồi thường thiệt hại các khoản sau:

1. Tiền lương từ tháng 01/2017 đến tháng 07/2017: $2.831.400 \text{ đồng} \times 7 = 19.819.800 \text{ đồng}$; Bồi thường 02 tháng tiền lương theo Hợp đồng lao động: $2.831.400 \text{ đồng} \times 2 = 5.662.800 \text{ đồng}$; Tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2017 đến tháng 05/2017: $2.831.400 \text{ đồng} \times 18\% \times 5 = 2.548.260 \text{ đồng}$; Tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 06/2017 đến tháng 07/2017: $2.831.400 \text{ đồng} \times 17,5\% \times 2 = 990.990 \text{ đồng}$; Tiền bảo hiểm y tế từ tháng 01/2017 đến tháng 07/2017: $2.831.400 \text{ đồng} \times 3\% \times 7 = 594.594 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 29.616.444 đồng.

2. Bồi thường 05 ngày nghỉ phép năm theo quy định tại Điều 114 Bộ luật lao động năm 2012 “Thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ”: $2.831.400 \text{ đồng} : 30 = 94.380 \text{ đồng} \times 05 \text{ ngày} = 471.900 \text{ đồng}$.

+ Theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ thì nhân viên Y tế được hưởng 20% so với mức lương được hưởng từ tháng 01/2017 đến tháng 07/2017: $2.831.400 \text{ đồng} \times 20\% \times 7 = 3.963.960 \text{ đồng}$.

3. Từ khi xét xử sơ thẩm đến khi xét xử lại sơ thẩm tháng 07/2019, cụ thể như sau:

+ Tiền lương từ tháng 08/2017 đến tháng 06/2018 (11 tháng) là $(2,34 \times 1.300.000 \text{ đồng}) \times 11 \text{ tháng} = 33.462.000 \text{ đồng}$ (theo quy định tại Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

+ Tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 08/2017 đến tháng 06/2018: $(3.042.000 \text{ đồng} \times 20,5\%) \times 11 \text{ tháng} = 6.859.710 \text{ đồng}$ (theo quy định tại Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam).

+ Tiền lương từ tháng 07/2018 đến tháng 06/2019 (12 tháng): $(2,34 \times 1.390.000 \text{ đồng}) \times 12 \text{ tháng} = 39.031.200 \text{ đồng}$ (theo quy định tại Nghị định 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

+ Tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 07/2018 đến tháng 06/2019: $(3.252.600 \text{ đồng} \times 20,5\%) \times 12 \text{ tháng} = 8.668.179 \text{ đồng}$.

+ Tiền lương từ tháng 07/2019 đến tháng 09/2019 (03 tháng): $(2,34 \times 1.490.000 \text{ đồng}) \times 3 \text{ tháng} = 10.459.800 \text{ đồng}$ (theo quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

+ Tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 07/2019 đến tháng 09/2019 là (03 tháng): $(3.486.600 \text{ đồng} \times 20,5\%) \times 3 \text{ tháng} = 2.144.258 \text{ đồng}$.

+ Tiền lương + BHXH + BHYT tháng 10/2019 là 01 tháng: 4.201.353 đồng.

Tổng cộng số tiền mà bị đơn là Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng phải trả cho bà P trong những ngày không được làm việc là 139.178.804 đồng, (một trăm ba mươi chín triệu một trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm lẻ bốn đồng).

** Trong văn bản trình bày ý kiến và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng trình bày:*

Tại đơn đăng ký dự tuyển, bà Đặng Thị Thúy P có cam kết nếu Hồ sơ dự tuyển của tôi không đúng sự thật, kết quả tuyển dụng của tôi hủy bỏ và tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật (Đơn xin đăng ký dự tuyển của bà P).

Trung tâm đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu bà P bổ sung các giấy tờ như cam kết tại đơn xin dự tuyển (các thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ), nhưng bà P không có giấy tờ để bổ sung. Đến ngày 28/11/2016, Chi cục tổ chức cuộc họp với thành phần cuộc họp có đại diện lãnh đạo Chi cục là Bác sĩ Lê Văn H, Phó Chi cục trưởng, Chủ tịch Hội đồng phỏng vấn tuyển dụng hợp đồng lao động chủ trì cùng Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Giám đốc Trung tâm, Chủ tịch Công đoàn cơ quan và bà Đặng Thị Thúy P.

Sau khi chủ trì cuộc thông qua kết quả kiểm tra các Chứng chỉ, hồ sơ lý lịch gốc để đối chiếu quá trình công tác, sổ Bảo hiểm xã hội, chủ trì cuộc họp kết luận là giao cho Trung tâm thống nhất chấm dứt Hợp đồng lao động đối với bà P, thời gian hoàn thành ngày 30/11/2016. Bà P cũng đã thống nhất với kết luận của chủ trì cuộc họp nói trên. (Biên bản làm việc với Trung tâm ngày 28/11/2016).

Cuộc họp ngày 28/11/2016 là cuộc họp với nội dung ghi rất cụ thể là “Kiểm tra Hồ sơ tuyển dụng của bà P theo bản cam kết dự tuyển”, qua kiểm tra không có các hồ sơ và chứng chỉ theo yêu cầu mặc dù Trung tâm đã cho gia hạn bổ sung nhiều lần, nhưng bà P vẫn không có để bổ sung. Cuộc họp này chỉ đề cập đến “hồ sơ, chứng chỉ của bà P không đúng theo yêu cầu của Hợp đồng tuyển dụng, đây không phải là cuộc họp xử lý vi phạm lao động nên không tiến hành các bước “thỏa thuận...”, Trung tâm tiến hành gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng lao động với căn cứ pháp lý đầu tiên và chủ yếu là theo Đơn xin dự tuyển của bà P “nếu hồ sơ của tôi không đúng sự thật, kết quả tuyển dụng của tôi bị hủy bỏ và tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật”. Vì vậy, Trung tâm ban hành Thông báo số 18/TB-TTTV ngày 30/11/2016 về việc chấm dứt Hợp đồng lao động theo cam kết và kèm theo những vi phạm về nội quy, kỷ luật cơ quan.

1. Bà Đặng Thị Thúy P không tuân thủ nội quy, quy chế đơn vị:

Trung tâm ký kết Hợp đồng lao động với bà Đặng Thị Thúy P thời hạn 01 năm (kể từ ngày 01/8/2016 đến 31/7/2017), nhưng chỉ sau 02 tháng, bà P đã không thực hiện đúng cam kết trong Hợp đồng lao động, không tuân thủ nội quy, quy chế của đơn vị, không đảm bảo giờ giấc làm việc. Cụ thể như sau:

- Trong 03 ngày (24, 25, 26/10/2016), bà P đã không đảm bảo thời gian làm việc theo qui định, cụ thể là đi làm quá trễ và về sớm. Trung tâm đã họp phê bình và đi đến thống nhất không chấm công ngày 26/10/2016. (Biên bản cuộc họp Trung tâm ngày 17/11/2016).

- Ngày 27 và 28/10/2016, bà P làm đơn xin nghỉ không lương 02 ngày, nhưng không được lãnh đạo Trung tâm đồng ý mà bà P vẫn tự động nghỉ. (Đơn xin nghỉ không lương ngày 27 - 28/10/2016 của bà P)

- Ngày 24 và 25/11/2016, bà P tiếp tục làm đơn xin nghỉ không lương 02 ngày và lãnh đạo Chi cục không đồng ý mà bà P vẫn tiếp tục ngang nhiên nghỉ không lý do 02 ngày. Trung tâm đã lập biên bản báo cáo sự việc trên với Chi cục (Đơn xin nghỉ không lương ngày 24 - 25/11/2016 của bà P; Biên bản báo cáo Chi cục về việc nhân viên Trung tâm nghỉ không lý do).

2. Bà Đặng Thị Thúy P không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Căn cứ Điều 2 Hợp đồng lao động số 03/HĐLD giữa Trung tâm và bà Đặng Thị Thúy P, tại mục thời gian và công việc phải làm, bà Phượng đã không hoàn thành nhiệm vụ như Hợp đồng lao động đã ký kết. Bản thân bà Phượng cũng tự nhận xét, đánh giá: “Nhược điểm: Tôi vốn không phải là con người giỏi giang nên những gì không biết là không làm được, hiện tại tôi không có việc làm theo vị trí tuyển dụng tại cơ quan”.

Căn cứ mục a khoản 1 Điều 38 của Bộ Luật lao động, bà Phượng đã thường xuyên không hoàn thành công việc theo Hợp đồng lao động, cụ thể: Công việc phải làm; Chế độ làm việc; Nghĩa vụ của người lao động. (Hợp đồng lao động số

01/HĐLĐ, phiếu đánh giá và phân loại năm 2016 đối với Hợp đồng lao động của bà Đặng Thị Thúy P).

- Bà P tự ý bỏ việc liên tiếp 8,5 ngày (từ ngày 13/12 đến ngày 22/12/2016). Trung tâm đã lập biên bản và báo cáo Chi cục (Biên bản báo cáo sự việc nghỉ không lý do của bà P và bản chấm công tháng 12/2016).

- Trung tâm nhận thấy việc ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà Đặng Thị Thúy P là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật

Trung tâm chấm dứt hợp đồng lao động theo cam kết tại đơn xin dự tuyển của bà Phụng.

Chỉ trong thời gian 02 tháng đầu tiên làm việc tại cơ quan mới, bà P đã không chấp hành nội quy, quy chế cơ quan, Trung tâm ban hành Thông báo số 18/TB-TTTV về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà P, sau 30 ngày bà P không có ý kiến gì và đã ký nhận Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động kể từ ngày 30/12/2016.

** Với nội dung nêu trên tại bản án lao động sơ thẩm số 04/2019/LĐ-ST ngày 05, 06/11/2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Áp dụng: khoản 8 Điều 36; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 42; khoản 1 Điều 123, Điều 158 Bộ luật lao động; điểm a khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thúy P đối với Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng.

Tuyên xử:

I/. Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Thúy P. Buộc Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng phải bồi thường cho bà Đặng Thị Thúy P tổng cộng số tiền là 138.878.804 đồng do hành vi sa thải trái pháp luật, cụ thể như sau:

1. Tiền lương từ tháng 01/2017 đến tháng 7/2017 là: $2.831.400 \times 7 = 19.819.800$ đồng; Bồi thường 02 tháng tiền lương theo HĐLĐ là: $2.831.400 \times 2 = 5.662.800$ đồng; Tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2017 là: $2.831.400 \times 18\% \times 5 = 2.548.260$ đồng; Tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2017 đến tháng 7/2017 là: $2.831.400 \times 17,5\% \times 2 = 990.990$ đồng; Tiền bảo hiểm y tế từ tháng 01/2017 đến tháng 7/2017 là: $2.831.400 \times 3\% \times 7 = 594.594$ đồng. Tổng cộng: 29.616.444 đồng.

2. Bồi thường 05 ngày nghỉ phép năm theo quy định tại Điều 114 Bộ luật lao động năm 2012 “Thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ” là: $2.831.400 : 30 = 94.380 \times 5 \text{ ngày} = 471.900$ đồng.

+ Theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ thì nhân viên Y tế được hưởng 20% so với mức lương được hưởng từ tháng 01/2017 đến tháng 7/2017 là: $2.831.400 \times 20\% \times 7 = 3.963.960$ đồng.

3. Từ khi xét xử sơ thẩm đến khi xét xử lại sơ thẩm tháng 7/2019, cụ thể như sau:

+ Tiền lương từ tháng 8/2017 đến tháng 6/2018 (11 tháng): $(2,34 \times 1.300.000) \times 11 = 33.462.000$ đồng (theo quy định tại Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

+ Tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 8/2017 đến tháng 6/2018 là: $(3.042.000 \times 20,5\%) \times 11 = 6.859.710$ đồng, (theo quy định tại Quyết định số: 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam).

+ Tiền lương từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019 (12 tháng) là: $(2,34 \times 1.390.000) \times 12 = 39.031.200$ đồng, (theo quy định tại Nghị định 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

+ Tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019 là: $(3.252.600 \times 20,5\%) \times 12 = 8.668.179$ đồng.

+ Tiền lương từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019 (03 tháng): $(2,34 \times 1.490.000) \times 3 = 10.459.800$ đồng, (theo quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

+ Tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019 là (03 tháng): $(3.486.600 \times 20,5\%) \times 3 = 2.144.258$ đồng.

+ Tiền lương + BHXH + BHYT tháng 10/2019 là 01 tháng = 4.201.353 đồng

III/ Về án phí: Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 4.175.364 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo pháp luật thi hành án dân sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, trong hạn luật định bị đơn Trung tâm Tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng kháng cáo toàn bộ bản án lao động số 04/2019/LĐ-ST ngày 05, 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thúy P.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2019/LĐ-ST ngày 05, 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D – K thành phố Đà Nẵng, thì thấy:

[1.1] Bà Đặng Thị Thúy P được Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng (gọi tắt là Trung tâm) tuyển dụng lao động theo Hợp đồng lao động số 03/HĐLĐ ngày 01/8/2016 với thời hạn là 01 năm, kể từ ngày 01/8/2016 đến ngày 31/7/2017. Trong quá trình làm việc, Trung tâm cho rằng bà P nhiều lần tự ý nghỉ việc không có lý do chính đáng vượt mức quy định, không hoàn thành nhiệm vụ công tác năm cũng như không bổ sung đầy đủ các chứng chỉ nghề nghiệp. Nên ngày 28/11/2016, giữa lãnh đạo Chi cục D thành phố Đà Nẵng, Trung tâm và bà P đã có buổi làm việc với nội dung là bà P không đủ điều kiện để tiếp tục làm việc tại Trung tâm. Giữa bà P và Trung tâm thống nhất chấm dứt Hợp đồng lao động và giao cho Giám đốc Trung tâm làm việc với bà P để thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Ngày 30/11/2016, Trung tâm có Thông báo số 18/TB - TTTV về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với bà Phụng. Đến ngày 22/12/2016, Trung tâm đã ra Quyết định số 03/QĐ - TTTV về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với bà Đặng Thị Thúy P với lý do đã vi phạm khoản 3 Điều 126 của Bộ luật lao động. Không đồng ý với Quyết định trên bà P khởi kiện yêu cầu Trung tâm bồi thường thiệt hại do bị sa thải trái pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 1 của Quyết định số 03/QĐ - TTTV ngày 22/12/2016 có nội dung chấm dứt Hợp đồng lao động với bà P vì lý do: “*Đã vi phạm khoản 3 Điều 126 của Bộ luật lao động số 10/2012/QH13 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam...*”. Tuy nhiên, căn cứ khoản 1 Điều 31 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động như sau: “*Áp dụng hình thức xử lý kỷ luật sa thải đối với người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày làm việc cộng dồn trong phạm vi 30 ngày kể từ ngày đầu tiên tự ý bỏ việc ...*”, thì trong phạm vi 30 ngày tính từ ngày 24/10/2016 đến ngày 22/11/2016, bà P nghỉ 03 ngày, còn 02 ngày 24, 25/11/2016 đã qua ngày

thứ 32 và 33. Mặt khác trong các ngày 27, 28/10/2016 và 24, 25/11/2016 bà Phụng nghỉ việc nhưng vẫn có đơn xin phép nghỉ không lương gửi giám đốc Trung tâm. Giám đốc Trung tâm có phê chuyển đơn lên Chi cục giải quyết và chưa có ý kiến của Chi cục nhưng điều đó thể hiện bà P có gửi đơn xin nghỉ phép chứ không tự ý nghỉ không có đơn, thiếu sót này của bà P chỉ ở mức độ phê bình, kiểm điểm, chưa đến mức phải xử lý kỷ luật sa thải. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P cho rằng những ngày bà nghỉ việc trên là vì lý do bị ốm phải nằm viện. Do vậy, không có cơ sở xác định bà P tự ý bỏ việc được quy định tại khoản 3 Điều 126 Bộ luật lao động như Điều 1 của Quyết định số 03/QĐ - TTTV ngày 22/12/2016.

Cũng tại Quyết định số 03/QĐ - TTTV đã nêu: “... bà Đặng Thị Thúy P cũng thống nhất với kết luận chấm dứt Hợp đồng lao động tại Biên bản làm việc của lãnh đạo Chi cục với Trung tâm ngày 28/11/2016” để ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà P.

Xét thấy: Tại Biên bản làm việc ngày 28/11/2018, bà P thống nhất với kết luận của Bác sĩ Lê Vũ H (Chủ tịch công đoàn Chi cục dân số kết hoạch hóa gia đình, theo ủy quyền của Giám đốc Chi cục chủ trì buổi làm việc) là “*Giao giám đốc Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ làm việc với chị P để thống nhất thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động ... thời gian hoàn thành là ngày 30/11/2016*”, nhưng sau đó Giám đốc Trung tâm không làm việc với bà P để thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động mà ban hành Thông báo số 18/TB-TTTV ngày 30/11/2016 về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với bà P là không đúng với nội dung kết luận của Bác sĩ H. Đồng thời trong Thông báo số 18/TB-TTTV của Trung tâm dựa vào nhiều căn cứ, trong đó có dựa vào kết luận ngày 28/11/2016 của Bác sĩ H và nêu bà P thống nhất với kết luận của Bác sĩ H để chấm dứt Hợp đồng lao động đối với bà P là không đủ cơ sở pháp lý. Bởi lẽ, như đã nhận định trên thì kết luận của Bác sĩ H chỉ mới dừng lại ở việc giao cho Trung tâm làm việc với bà P để thống nhất, thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động chứ không kết luận việc chấm dứt Hợp đồng lao động. Bà P cũng chỉ dừng lại ở việc thống nhất với kết luận của Bác sĩ H là hai bên phải làm việc, thống nhất, thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động chứ chưa thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động ngay, vì còn liên quan đến các chế độ, quyền lợi của bà P. Trong khi đó nội dung cuộc họp ngày 28/11/2016 chỉ nói về việc bà P thiếu các chứng chỉ, giấy tờ liên quan đến chuyên môn, lý lịch Bảo hiểm xã hội nên kết luận của Bác sĩ H là bà P không đủ các hồ sơ nêu trên chứ không kết luận hay bàn bạc gì về việc bà P tự ý bỏ việc. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án bà P và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà P khai nhận khi dự thi tuyển vào Trung tâm, bà P đã cung cấp toàn bộ hồ sơ và đủ tiêu chuẩn để được xét duyệt tuyển chọn. Theo quy định tại Điều 36 Bộ luật lao động, các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động bao gồm: “...3. Hai

bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động ... 8. Người lao động bị xử lý kỷ luật sa thải theo quy định tại khoản 3 Điều 125 Bộ luật này ...”. Trong Quyết định 03/QĐ-TTTV đề cập đến cả hai trường hợp chấm dứt Hợp đồng lao động nêu trên và viện dẫn khoản 3 Điều 126 Bộ luật lao động (áp dụng hình thức kỷ luật sa thải) để chấm dứt Hợp đồng lao động đối với bà P nhưng cả hai trường hợp này đều không đúng với sai phạm của bà P nên quy trình tiến hành xử lý kỷ luật không đảm bảo đúng quy định. Mặc dù quá trình làm việc bà P tuy có vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động nhưng chưa đến mức phải chấm dứt hợp đồng lao động với hình thức sa thải theo quy định tại khoản 3 Điều 126 Bộ luật lao động.

Quá trình giải quyết vụ án, Trung tâm nêu ra việc bà P tự ý nghỉ việc không có lý do 09 ngày trong tháng 12/2016 (từ ngày 13/12 đến ngày 22/12/2016), nhưng nội dung này không nằm trong phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 03/QĐ-TTTV ngày 22/12/2016 của Trung tâm nên Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở pháp lý để xem xét là phù hợp. Mặt khác, việc Trung tâm nêu căn cứ để chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Phượng với lý do bằng cấp không đảm bảo. Tuy nhiên, qua xem xét hồ sơ cho thấy việc tuyển dụng bà P vào làm việc đảm bảo các tiêu chí mà đã thông báo tuyển nhân sự. Tại Quyết định số 03/QĐ-TTTV ngày 22/12/2016 cũng không đề cập đến vấn đề kỷ luật sa thải bà Phượng về vấn đề này nên Trung tâm đã áp dụng khoản 3 Điều 126 Bộ luật lao động để ra quyết định sa thải bà P là không có căn cứ, trái pháp luật.

Theo khoản 3 Điều 33 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động: “...*Trường hợp kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trái pháp luật thì người sử dụng lao động có nghĩa vụ thực hiện các quy định các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 42 của Bộ luật lao động*”. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bà P cũng như tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà P không có yêu cầu Trung tâm nhận trở lại làm việc mà yêu cầu Trung tâm phải trả cho bà P cụ thể các khoản như sau:

1. Tiền lương từ tháng 01/2017 đến tháng 7/2017 là: 2.831.400 đồng x 7 tháng = 19.819.800 đồng; Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là: 2.831.400 đồng x 2 tháng = 5.662.800 đồng; Tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2017 là: 2.831.400 đồng x 18% x 5 tháng = 2.548.260 đồng; Tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2017 đến tháng 7/2017 là: 2.831.400 đồng x 17,5% x 2 tháng = 990.990 đồng; Tiền bảo hiểm y tế từ tháng 01/2017 đến tháng 7/2017 là: 2.831.400 đồng x 3% x 7 tháng = 594.594 đồng. Tổng cộng: 29.616.444 đồng.

2. Bồi thường 05 ngày nghỉ phép năm theo quy định tại Điều 114 BLLĐ năm 2012 “Thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ” là: 2.831.400 đồng : 30 ngày = 94.380 đồng x 5 ngày = 471.900 đồng.

+ Theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ thì nhân viên Y tế được hưởng 20% so với mức lương được hưởng từ tháng 01/2017 đến tháng 7/2017 là: $2.831.400 \text{ đồng} \times 20\% \times 7 \text{ ngày} = 3.963.960 \text{ đồng}$.

3. Từ khi xét xử sơ thẩm đến khi xét xử lại sơ thẩm tháng 7/2019 cụ thể như sau:

+ Tiền lương từ tháng 8/2017 đến tháng 6/2018 (11 tháng) là: $(2,34 \times 1.300.000 \text{ đồng}) \times 11 \text{ tháng} = 33.462.000 \text{ đồng}$, (theo quy định tại Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

+ Tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 8/2017 đến tháng 6/2018 là: $(3.042.000 \text{ đồng} \times 20,5\%) \times 11 \text{ tháng} = 6.859.710 \text{ đồng}$, (theo quy định tại Quyết định số: 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam).

+ Tiền lương từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019 (12 tháng) là: $(2,34 \times 1.390.000 \text{ đồng}) \times 12 \text{ tháng} = 39.031.200 \text{ đồng}$, (theo quy định tại Nghị định 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

+ Tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019 là: $(3.252.600 \text{ đồng} \times 20,5\%) \times 12 = 8.668.179 \text{ đồng}$.

+ Tiền lương từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019 (03 tháng) là: $(2,34 \times 1.490.000 \text{ đồng}) \times 3 \text{ tháng} = 10.459.800 \text{ đồng}$ (theo quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

+ Tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019 là (03 tháng): $(3.486.600 \text{ đồng} \times 20,5\%) \times 3 \text{ tháng} = 2.144.258 \text{ đồng}$.

+ Tiền lương + BHXH + BHYT tháng 10/2019 là 01 tháng = 4.201.353 đồng.

Tổng cộng số tiền Trung tâm phải trả cho bà P trong những ngày không được làm việc là 138.878.804 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn, tám trăm lẻ bốn đồng).

[1.2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng. Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 04/2019/LĐ-ST ngày 05, 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về án phí lao động:

[2.1] Về án phí lao động sơ thẩm: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì thấy, do toàn bộ yêu cầu của bà P

được chấp nhận nên Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 4.166.364 đồng.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy quan điểm về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308, các Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 36, khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 42, khoản 1 Điều 123 Bộ luật lao động; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng;

Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 04/2019/LĐ-ST ngày 05, 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thúy P đối với Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng về “Tranh chấp hợp đồng lao động”.

Tuyên xử:

I. Buộc Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng phải bồi thường cho bà Đặng Thị Thúy P tổng cộng số tiền là 138.878.804 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn, tám trăm lẻ bốn đồng) do hành vi sa thải trái pháp luật, cụ thể như sau:

1. Tiền lương từ tháng 01/2017 đến tháng 7/2017 là: 2.831.400 đồng x 7 tháng = 19.819.800 đồng; Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là: 2.831.400 đồng x 2 tháng = 5.662.800 đồng; Tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2017 là: 2.831.400 đồng x 18% x 5 tháng = 2.548.260 đồng; Tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2017 đến tháng 7/2017 là: 2.831.400 đồng x 17,5% x 2 tháng = 990.990 đồng; Tiền bảo hiểm y tế từ tháng 01/2017 đến tháng 7/2017 là: 2.831.400 đồng x 3% x 7 tháng = 594.594 đồng. Tổng cộng: 29.616.444 đồng.

2. Bồi thường 05 ngày nghỉ phép năm theo quy định tại Điều 114 BLLĐ năm 2012 “Thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ” là: 2.831.400 đồng : 30 ngày = 94.380 đồng x 5 ngày = 471.900 đồng.

+ Theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ thì nhân viên Y tế được hưởng 20% so với mức lương được hưởng từ tháng 01/2017 đến tháng 7/2017 là: $2.831.400 \text{ đồng} \times 20\% \times 7 \text{ ngày} = 3.963.960 \text{ đồng}$.

3. Từ khi xét xử sơ thẩm đến khi xét xử lại sơ thẩm tháng 7/2019, cụ thể như sau:

+ Tiền lương từ tháng 8/2017 đến tháng 6/2018 (11 tháng) là: $(2,34 \times 1.300.000 \text{ đồng}) \times 11 \text{ tháng} = 33.462.000 \text{ đồng}$, (theo quy định tại Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

+ Tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 8/2017 đến tháng 6/2018 là: $(3.042.000 \text{ đồng} \times 20,5\%) \times 11 \text{ tháng} = 6.859.710 \text{ đồng}$, (theo quy định tại Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam).

+ Tiền lương từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019 (12 tháng) là: $(2,34 \times 1.390.000 \text{ đồng}) \times 12 \text{ tháng} = 39.031.200 \text{ đồng}$, (theo quy định tại Nghị định 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

+ Tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019 là: $(3.252.600 \text{ đồng} \times 20,5\%) \times 12 = 8.668.179 \text{ đồng}$.

+ Tiền lương từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019 (03 tháng) là: $(2,34 \times 1.490.000 \text{ đồng}) \times 3 \text{ tháng} = 10.459.800 \text{ đồng}$ (theo quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

+ Tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019 là (03 tháng): $(3.486.600 \text{ đồng} \times 20,5\%) \times 3 \text{ tháng} = 2.144.258 \text{ đồng}$.

+ Tiền lương + BHXH + BHYT tháng 10/2019 là 01 tháng = 4.201.353 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

II. Về án phí lao động:

1. Án phí lao động sơ thẩm: 4.166.364 đồng (bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, ba trăm sáu mươi bốn đồng), Trung tâm Tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng phải chịu.

2. Án phí lao động phúc thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), Trung tâm Tư vấn và cung ứng dịch vụ D - K thành phố Đà Nẵng phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp

tại Biên lai thu số 0008643 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tổ nghiệp vụ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Sơn

